

Báo cáo cập nhật

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

Ngày 5/1/2026



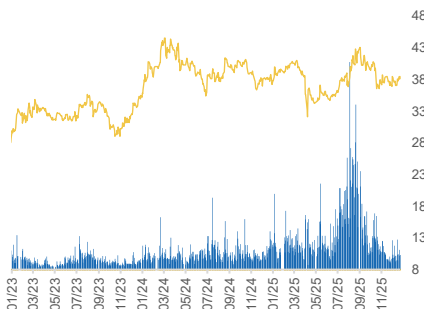
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

Mã cổ phiếu	BID
Giá cao nhất 52 tuần (VND)	43,500
Giá thấp nhất 52 tuần (VND)	32,500
Vốn hóa (tỷ đồng)	284,014
KLGD trung bình 52 tuần (CP)	4,550,744
SLCP lưu hành (Tr CP)	7,021.4
Beta	1.00
P/E	11.3
P/B	1.87

Thông tin cơ bản:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) được thành lập vào năm 1957, là một trong số 3 ngân hàng TMCP niêm yết mà nhà nước là cổ đông lớn nắm quyền kiểm soát. BIDV hiện là ngân hàng đứng đầu về thị phần cho vay, huy động và quy mô tổng tài sản trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam. BIDV nổi bật với chất lượng tài sản vượt trội, tỷ lệ nợ xấu thấp và bộ đệm dự phòng thuộc nhóm cao nhất toàn ngành.

Diễn biến giá cổ phiếu BID



Tiềm năng tăng trưởng lớn nhờ Đầu Tư Công

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** với giá mục tiêu **43.088 VND**, tiềm năng tăng giá **11.2%**

Luận điểm đầu tư

Định giá hấp dẫn so với lịch sử

Định giá P/B của BID đã ở xu hướng giảm kể đầu năm 2022 cho tới nay, tương ứng giảm từ mức 2,7 lần xuống nhỉnh 1,7 lần. Mức định giá hiện tại đang chiết khấu sâu so với mức bình quân 5 năm là 2,2 lần. Chúng tôi tin rằng định giá của BID hoàn toàn có thể quay lại mốc định giá P/B trên 2 lần do năm 2026 sẽ là cao điểm của tăng trưởng tín dụng khi chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP cao trên 10% với hàng loạt dự án đầu tư công được thi công.

Hưởng lợi từ thúc đẩy đầu tư công trong năm 2026

BID kỳ vọng hưởng lợi từ việc Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công nhờ vị thế ngân hàng quốc doanh, có lợi thế trong tài trợ các dự án hạ tầng quy mô lớn và các doanh nghiệp nhà nước. Việc giải ngân đầu tư công tăng tốc sẽ hỗ trợ tăng trưởng tín dụng trung – dài hạn, đồng thời tạo thêm nguồn thu từ các dịch vụ đi kèm như bảo lãnh, thanh toán và quản lý dòng tiền.

Tiềm năng lớn từ thương vụ phát hành riêng lẻ

BID dự báo sẽ phát hành riêng lẻ nốt 7.2% còn lại trong 9% vốn điều lệ đã chốt theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2023. Dự kiến sau khi hoàn thành phát hành, công ty có thể cải thiện được hệ số an toàn vốn CAR giúp công ty mở rộng thêm tăng trưởng tín dụng và chuẩn bị cho các yêu cầu vốn khắt khe hơn theo Basel III giai đoạn 2026-2030.

Rủi ro đầu tư

Chất lượng tài sản còn nhiều rủi ro

Tỷ lệ đòn bẩy/VCSH của BID rất cao lên đến hơn 18 lần cao nhất trong số các ngân hàng niêm yết cho thấy 1. Mức độ rủi ro rất lớn của ngân hàng nếu có khủng hoảng xảy ra và 2. Công ty không thể trả cổ tức tiền mặt cao do nhu cầu vốn là rất lớn.

Áp lực cạnh tranh khốc liệt từ các NHTMCP

NHTMCP có lợi thế tăng trưởng tín dụng cao hơn BID do tính linh hoạt cao trong quản trị và tăng vốn, ít ràng buộc bởi sở hữu Nhà nước nên ra quyết định nhanh, dễ phân bổ tín dụng vào các phân khúc sinh lời cao như bán lẻ và SME, trong khi BID vừa bị hạn chế tăng vốn cấp 1 vừa phải gánh vai trò chính sách, khiến dư địa và tốc độ mở rộng tín dụng thường thận trọng hơn.

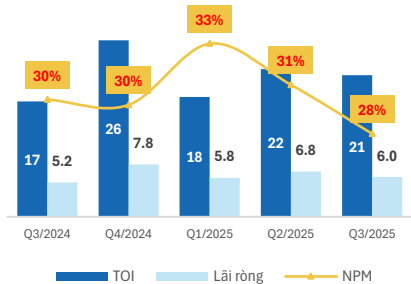
Nhân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

Cấu trúc lợi nhuận



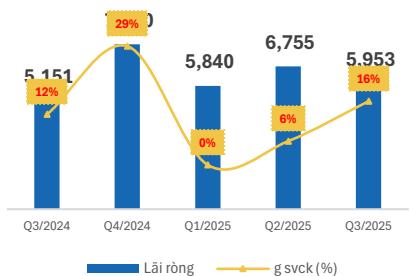
Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

Hiệu quả kinh doanh



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế



Nguồn: BID, NHSV Research tổng hợp

Áp lực tăng trưởng hiện hữu

Thu nhập lãi thuần tăng chậm

- Thu nhập hoạt động Q3-2025 của BID giảm nhẹ 4%QoQ nhưng tăng +23% YoY. Trong đó:
 - Thu nhập lãi thuần (NII) chiếm tỷ trọng chính trong thu nhập hoạt động (72%) nhưng chỉ tăng nhẹ 1%QoQ và 8% YoY, kéo theo tăng trưởng tín dụng 3 quý đầu năm chỉ đạt 8,8% YTD, yếu hơn trung bình ngành (+13%YTD). Nguyên nhân là do tỷ suất tài sản sinh lãi (YOEAs) tiếp tục giảm do áp lực cạnh tranh tín dụng gay gắt và lãi suất cho vay đầu ra giảm.
 - Thu nhập ngoài lãi (Non-II) của ngân hàng tăng tiếp tục tăng mạnh 83% svck, cao hơn mức 32% so với quý trước. Động lực tăng trưởng chính đến từ 1. Ghi nhận lãi ròng từ bán chứng khoán đầu tư 584 tỷ đồng, so với khoản lỗ 485 tỷ trong Q3/2024 và 2. Thu nhập khác ròng tăng mạnh 68% svck chủ yếu là hoạt động thu hồi nợ xấu. Các khoản thu nhập từ ngoại hối và dịch vụ dù giảm so với quý trước nhưng đều tăng hai chữ số so với cùng kỳ.

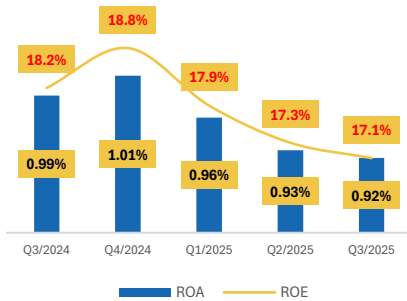
- Chi phí hoạt động của ngân hàng tăng nhẹ trong Q3-2025, với mức tăng 6,9% svck trong Q3/25, chậm hơn tăng trưởng TOI (22,6% svck), giúp giảm tỷ lệ CIR Q3/25 xuống còn 34,9%. Chi phí nhân viên tiếp tục là nguồn chi phí chính, chiếm khoảng 60% tổng chi phí hoạt động.

Trong Q3-2025, BID trích lập 6.186 tỷ đồng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, tăng 1% QoQ và 39% YoY.

- Biên lãi ròng của công ty cải thiện lên 50%. Đây là mức được ngân hàng duy trì trong nhiều năm qua.
- Tổng kết lại, ngân hàng ghi nhận 5.953 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong Q3-2025, tăng nhẹ 16% svck YoY, chủ yếu nhờ tăng trưởng thu nhập ngoài lãi.

Nhân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

ROA và ROE

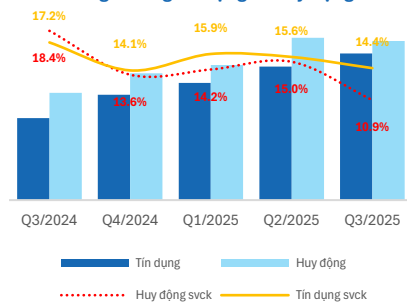


Nguồn: BID, NHSV Research

Hiệu quả sử dụng vốn đang có xu hướng giảm dần

- BID tiếp tục ghi nhận 4 quý liên tiếp giảm hiệu quả sử dụng vốn khi chỉ số ROA và ROE hiện tại chỉ còn 0.92%% và 17.1% tại thời điểm Quý 3 năm 2025. Nguyên nhân là lợi nhuận sau thuế của công ty tăng trưởng chậm và hiện không theo kịp tốc độ tăng vốn chủ sở hữu. Công ty không thể chia cổ tức tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ cao để tăng hiệu quả sử dụng vốn được do 1. BID là ngân hàng quốc doanh, phải chờ ngân hàng nhà nước ký duyệt và 2. BID muốn có một bộ đệm đòn bẩy vốn an toàn hơn để quản trị rủi ro và nâng cao chuẩn Basel.

Tăng trưởng tín dụng và huy động

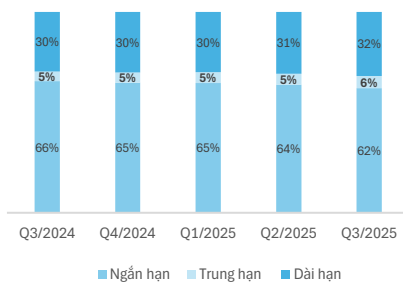


Nguồn: BID, NHSV Research

Tăng trưởng tín dụng thấp hơn trung bình ngành

- BID ghi nhận tăng trưởng tín dụng nhẹ trong Q3-2025 với mức tăng 14% svck, đưa mức tăng trưởng tín dụng 3 quý đầu năm lên 9% YTD, thấp hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng hơn bình quân toàn ngành (+13% YTD). Nguyên nhân tăng trưởng tín dụng của BID chậm hơn so với trung bình ngành là do thu nhập lãi thuần đi ngang, NIM có chiều hướng giảm(thấp nhất trong 27 ngân hàng niêm yết) do công ty phải hỗ trợ lãi suất cho nhiều doanh nghiệp để thúc đẩy kinh tế.

Tỷ trọng cho vay ngắn trung dài



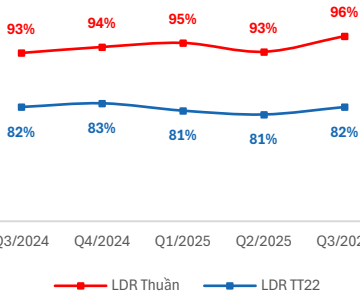
Nguồn: BID, NHSV Research

Tỷ trọng cho vay ngắn hạn có xu hướng giảm

- Tỷ trọng cho vay dài hạn (trên 5 năm) của BID đang có xu hướng tăng trở lại trong những quý gần đây cho thấy ngân hàng đang được nhà nước giao chỉ tiêu đẩy mạnh cho vay những dự án liên quan đến đầu tư cơ sở hạ tầng như cầu đường, các đại dự án lớn... Điều này thể hiện kỳ vọng tăng trưởng kinh tế bền vững. Về ngắn hạn, xu hướng này có thể tạo áp lực lên NIM do lãi suất cho vay dài hạn thường thấp hơn cho vay ngắn hạn và phát sinh chi phí kỳ hạn, song bù lại giúp giảm rủi ro tái cấp vốn, cải thiện chất lượng tài sản và ổn định thu nhập lãi. Trong trung – dài hạn, sự dịch chuyển này sẽ hỗ trợ độ bền lợi nhuận và khả năng chống chịu chu kỳ của ngân hàng. Tuy vậy, việc này cũng phản ánh NIM của BID là thấp nhất hệ thống do phải hỗ trợ doanh nghiệp để thúc đẩy đầu tư.

Nhân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

LDR

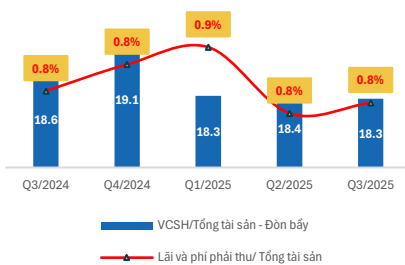


Nguồn: BID, NHSV Research

Áp lực thanh khoản hiện hữu

- Tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) của BID trong quá khứ thường nằm trong nhóm thấp nhất thị trường, cho thấy khả năng quản lý rủi ro thanh khoản tốt dù mở rộng cho vay. Chỉ số LDR thuần (Cho vay/huy động) tăng cao kỷ lục lên đến 96% trong 9 tháng đầu năm 2025, nhằm nỗ lực đáp ứng nhu cầu tín dụng cao từ thị trường, đồng thời cũng phản ánh rủi ro cao và nhu cầu tăng vốn chủ sở hữu của BID.

Đòn bẩy tài chính và chất lượng tài sản

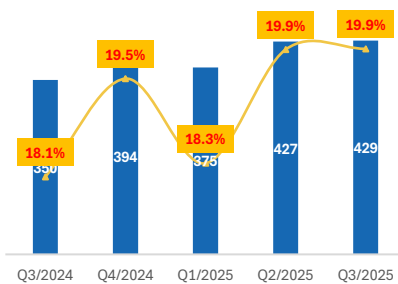


Nguồn: BID, NHSV Research

Đòn bẩy tài sản duy trì an toàn

- Tỷ lệ lãi và phí phải thu / tổng tài sản duy trì ở quanh ngưỡng 0,8%, mức thấp so với ngành ngân hàng cho thấy khả năng quản trị tốt cũng như rủi ro nợ xấu ẩn rất thấp của BID.
- Tỷ lệ đòn bẩy VCSH/TTS của BID vẫn ở mức cao nhất ngành ngân hàng (18 lần) cho thấy 1. Mức độ rủi ro cao nếu chất lượng tài sản suy giảm 2. Nhu cầu vốn rất lớn của BID để tăng cường bộ đệm an toàn và 3. BID không thể duy trì trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ cao

CASA và tỷ lệ CASA



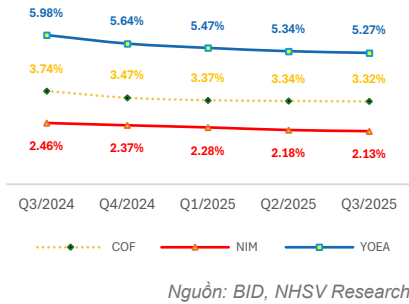
Nguồn: BID, NHSV Research

Quy mô CASA tăng cao nhưng cạnh tranh gay gắt

- Trong Q3/2025, BIDV tiếp tục tăng quy mô CASA cao kỷ lục, với quy mô tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng đạt khoảng 429 nghìn tỷ đồng. Mức CASA này duy trì ở ngưỡng rất cao, phản ánh nền tảng khách hàng bền vững, lợi thế thương hiệu và hệ sinh thái thanh toán mạnh của BIDV
- Tỷ lệ CASA của ngân hàng là 20% tiếp tục duy trì ở ngưỡng ổn định và thuộc nửa trên so với ngành. Tỷ lệ CASA cao giúp BID duy trì lợi thế chi phí vốn thấp, khả năng định giá lãi suất linh hoạt và sức chống chịu tốt trong bối cảnh cạnh tranh huy động ngày càng gay gắt, qua đó hỗ trợ ổn định NIM và hiệu quả sinh lời trong trung – dài hạn.
- Tuy nhiên, nếu so với các ngân hàng quốc doanh, thì tỷ lệ CASA của BID lại đang thấp nhất do đặc thù cơ cấu khách hàng và chiến lược kinh doanh. BID có tỷ trọng lớn khách hàng doanh nghiệp truyền thống, DNNN và các dự án đầu tư công, nơi dòng tiền mang tính thời điểm, số dư tiền gửi không thường xuyên và ít duy trì tài khoản thanh toán lớn như khách hàng bán lẻ.

Nhân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

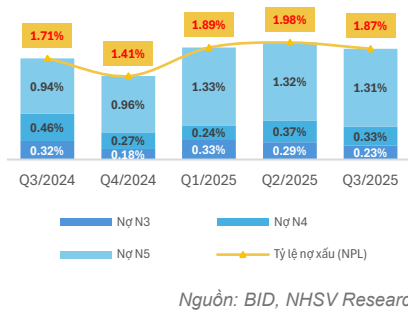
Khả năng sinh lời



NIM tiếp tục suy giảm dù chi phí huy động vốn thuộc top thấp nhất ngành ngân hàng

- NIM bình quân trong Q3-2025 của BID tiếp tục giảm mạnh, về mức 2.13% - là mức thấp nhất trong nhiều quý trở lại đây, và thấp nhất trong 27 ngân hàng niêm yết. NIM giảm một phần do BID phải liên tục có những chính sách hạ lãi suất để hỗ trợ doanh nghiệp theo chỉ đạo của ngân hàng nhà nước như chương trình cho vay mua nhà cố định lãi suất 5,5%;...
- Áp lực chi phí vốn chủ yếu bắt nguồn từ sự cạnh tranh gay gắt trong huy động vốn trong phạm vi toàn ngành, khi nhu cầu vốn huy động tăng cao để đáp ứng cho mục tiêu tăng trưởng tín dụng rất mạnh hiện nay.

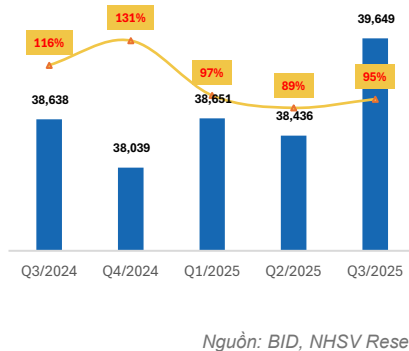
Tỷ trọng các nhóm nợ xấu



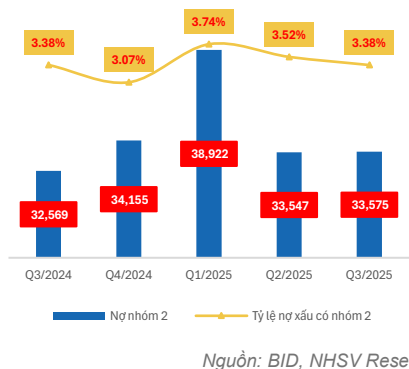
Tỷ lệ nợ xấu duy trì ổn định, dù rủi ro vẫn còn nhiều tiềm

- Tỷ lệ nợ xấu của BID quý 3 là 1,87% đạt 41,900 tỷ; nhích nhẹ so với quý trước và là mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu có giảm nhẹ so với 2 quý đầu năm nhưng vẫn là mức cao trong 5 năm gần nhất.
- Tỷ lệ nợ xấu ẩn (nợ xấu có có thêm nhóm 2) đạt 3,38%; cao nhất trong những ngân hàng quốc doanh cho thấy khả năng quản trị rủi ro của BID vẫn chưa hiệu quả, phản ánh đặc thù danh mục tín dụng quy mô lớn và chu kỳ dài. Điều này cho thấy chất lượng tài sản của BID chịu áp lực sớm hơn các ngân hàng khác, khi nợ nhóm 2 gia tăng phản ánh hiện tượng khách hàng bắt đầu suy yếu dòng tiền, đặc biệt ở các phân khúc doanh nghiệp lớn, DNNN, dự án hạ tầng và BĐS có liên quan đến đầu tư công – những lĩnh vực có chu kỳ thu hồi vốn dài và phụ thuộc nhiều vào tiến độ giải ngân.
- Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của BID quý 3/2025 là 95%, phục hồi nhẹ so với quý trước (89%). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của BID có xu hướng giảm trong thời gian gần đây (2021-2025) từ mức trên 260% xuống khoảng dưới 100% nhưng vẫn giữ vững vị trí top cao nhất toàn ngành, cho thấy khả năng trích lập dự phòng của BID vẫn rất mạnh mẽ, dù tỷ lệ nợ xấu nội bảng có tăng nhẹ do phục hồi kinh tế. Việc giảm này là xu hướng chung của ngành và BID vẫn có bộ đệm dự phòng lớn hơn nhiều so với trung bình ngành, giúp củng cố chất lượng tài sản và hỗ trợ lợi nhuận.

Dự phòng nợ xấu và bao phủ nợ

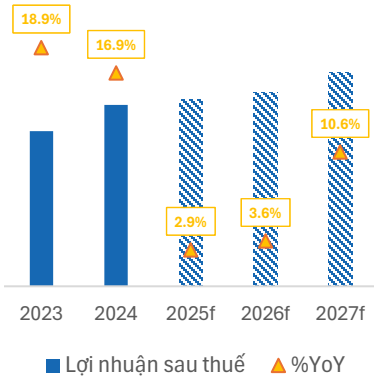


Tỷ lệ nợ xấu ẩn



Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

Lợi nhuận sau thuế 2025F



Nguồn: BID, NHSV Research

DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH 2025:

Chúng tôi dự báo lợi nhuận sau thuế cả năm 2025F của BID ước đạt khoảng 25,860 tỷ đồng, tăng ~3%YoY. Trong đó:

- **Tín dụng:** Chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng của BID trong năm 2025 tiếp tục duy trì trên hai con số khoảng 13%. Dự báo này dựa trên đà tăng trưởng tín dụng của BID đã ghi nhận trong 3 quý đầu năm (9% YTD) và trong bối cảnh Chính phủ và NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8% trong năm nay thông qua hàng loạt dự án bất động sản và đầu tư công quy mô lớn chưa từng có như sân bay Long Thành, siêu dự án khu đô thị lấn biển Cần Giờ,...
- **NIM:** Chúng tôi cho rằng NIM của hệ thống ngân hàng nói chung và BID nói riêng khá khó để cải thiện ngay trong 2025, mặc dù lãi suất tiền gửi và cho vay đã có dấu hiệu nhích nhẹ vào đầu tháng 12. Chi phí huy động vẫn duy trì ở mức cao do cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng thương mại cổ phần. Do đó, chúng tôi dự báo NIM bình quân cả năm của BID sẽ ở quanh mức 2,08%, mức thấp nhất trong lịch sử hoạt động trước khi hồi phục trở lại vào năm 2026.
- **Thu nhập lãi thuần:** Vẫn đóng góp vào tăng trưởng chính dự kiến năm 2025 lên 61.558 tỷ đồng (+6% YoY).
- **Thu nhập ngoài lãi:** Dự báo tăng trưởng thu nhập ngoài lãi ở mức khiêm tốn (+7%YoY), chủ yếu là tăng trưởng từ hoạt động dịch vụ và hoàn nhập nợ xấu (lãi khác) không bù đắp được sự suy giảm thu nhập từ lãi chứng khoán (Q4/2024 có lợi nhuận đột biến hơn 5000 tỷ đồng).
- **Chi phí hoạt động:** Dự báo chi phí hoạt động tăng khoảng 5% YoY trong 2025, giảm nhẹ hơn so với tăng trưởng TOI (+6%). Theo đó, CIR bình quân cả năm dự kiến đạt khoảng 34%, duy trì đi ngang so với năm 2024.
- **Dự phòng:** Tổng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng năm 2025 dự báo vào 24.558 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ do nợ xấu của ngân hàng vẫn đang ở mức cao kỷ lục.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

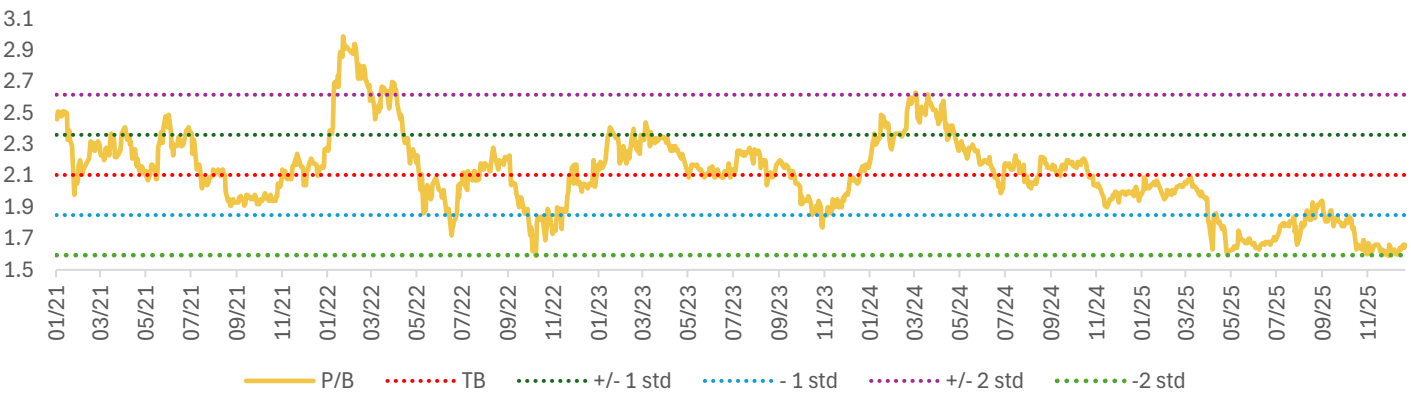
ĐỊNH GIÁ:

- Dựa trên phương pháp định giá so sánh P/B, thu nhập thặng dư, kết hợp cùng các dự báo về hoạt động kinh doanh năm 2025 và triển vọng tăng trưởng những năm tới của ngân hàng, chúng tôi xác định giá mục tiêu trong 12 tháng tới đối với cổ phiếu BID ở mức **43,088 VNĐ/cổ phiếu**, cao hơn khoảng 11.2% so với mức giá đóng cửa ngày 5/1/2025 (38.750 VNĐ/CP).

Phương pháp thu nhập thặng dư

PV của thu nhập thặng dư (2025F-2029F)	31,538	tỷ đồng
PV của giá trị tiếp tục (từ 2030 trở đi)	58,902	tỷ đồng
Giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu	167,987	tỷ đồng
Giá trị hiện tại của vốn chủ sở hữu	258,427	tỷ đồng
SLCP đang lưu hành	7,021	triệu cổ phiếu
Giá mục tiêu	36,806	đồng/cổ phiếu

P/B trung vị 5 năm của BID



Tổng hợp kết quả định giá

Phương pháp định giá	Tỷ trọng	Giá hợp lý	Đóng góp	
Thu nhập thặng dư	40%	36,800	14,722	đồng/cổ phiếu
P/B	60%	47,276	28,366	đồng/cổ phiếu
Giá mục tiêu (VNĐ/cổ phiếu)			43,088	đồng/cổ phiếu

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

Bảng 1: Kết quả kinh doanh Q3-2025 và năm 2024

Kết quả kinh doanh	9H2025	YoY	Q3/2025	YoY	QoQ
Thu nhập hoạt động	61,142	11.9%	21,154	22.6%	-4.2%
Thu nhập lãi thuần (NII)	44,110	4.1%	15,173	8.5%	1.2%
Thu nhập ngoài lãi (Non-II)	17,032	38.6%	5,982	83.0%	-15.7%
TNT hoạt động dịch vụ (NFI)	5,159	1.0%	1,734	17.5%	-8.1%
TNT hoạt động FX	3,186	-18.8%	965	31.8%	-28.9%
TNT hoạt động chứng khoán	1,638	2088.4%	584	206.3%	-30.9%
TNT hoạt động khác	7,049	111.1%	2,699	67.6%	-10.3%
Chi phí hoạt động	20,647	12.2%	7,375	16.9%	0.1%
Chi phí dự phòng	16,862	18.8%	6,186	38.9%	1.4%
Lợi nhuận sau thuế	18,940	7.3%	5,953	15.6%	-11.9%

Nguồn: BID, NHSV Research

Bảng 2: Các chỉ tiêu chính đo lường hiệu quả hoạt động của ngân hàng

Các chỉ tiêu chính	2024	YoY	Q3/2025	YoY	QoQ
Tăng trưởng tín dụng svck	15.5%	-115 đcb	14.4%	-280 đcb	-122 đcb
Tăng trưởng huy động svck	16.8%	+205 đcb	10.9%	-754 đcb	-417 đcb
NIM	2.3%	-25 đcb	2.1%	-33 đcb	-5 đcb
YEA	5.5%	-146 đcb	5.3%	-71 đcb	-7 đcb
COF	3.4%	-129 đcb	3.3%	-42 đcb	-2 đcb
CASA	19.5%	-13 đcb	19.9%	+180 đcb	+1 đcb
Tỷ lệ nợ xấu	1.4%	+15 đcb	1.9%	+17 đcb	-10 đcb
Tỷ lệ nợ xấu có nhóm 2	3.1%	+24 đcb	3.4%	-0 đcb	-14 đcb
LLR	131.0%	-4992 đcb	94.5%	-2120 đcb	+544 đcb
CIR	34.5%	+15 đcb	34.9%	-168 đcb	+152 đcb
ROA	1.0%	+2 đcb	0.9%	-6 đcb	-1 đcb
ROE	18.8%	-17 đcb	17.1%	-105 đcb	-23 đcb

Nguồn: BID, NHSV Research

Nhân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)

Bảng 3: Dự phóng kết quả kinh doanh 2025F-2026F

Tổng hợp kết quả dự phóng	2022	2023	2024	2025f	2026f
Thu nhập hoạt động	69,480	73,013	81,061	86,117	95,730
%YoY	11.2%	5.1%	11.0%	6.2%	11.2%
Thu nhập lãi thuần	55,960	56,136	58,008	61,558	73,336
%yoy	19.5%	0.3%	3.3%	6.1%	19.1%
Thu nhập ngoài lãi thuần	13,520	16,877	23,053	24,558	22,394
%yoy	-13.7%	24.8%	36.6%	6.5%	-8.8%
Chi phí hoạt động	22,715	25,081	27,967	29,496	35,999
%yoy	16.7%	10.4%	11.5%	10.2%	11.8%
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	23,842	20,344	21,109	24,286	26,234
%yoy	-19.1%	-14.7%	3.8%	15.0%	8.0%
Tổng lợi nhuận trước thuế	22,923	27,589	31,985	32,335	33,497
Lợi nhuận sau thuế	18,086	21,505	25,140	25,868	26,798
%YoY	71.6%	18.9%	16.9%	2.9%	3.6%
Tăng trưởng tín dụng (%YTD)	12.3%	16.7%	15.5%	12.1%	18.6%
Tăng trưởng tiền gửi (%YTD)	11.9%	14.8%	16.8%	9.5%	3.6%
NIM	2.9%	2.6%	2.3%	2.1%	2.1%
YEA	6.3%	7.0%	5.5%	4.0%	1.0%
COF	3.6%	4.7%	3.4%	3.3%	2.9%
CASA	18.1%	19.6%	19.5%	18.9%	19.1%
Tỷ lệ nợ xấu	1.2%	1.3%	1.4%	1.6%	1.7%
Phí suất tín dụng (Credit cost)	1.7%	1.2%	1.1%	1.7%	1.6%
LLR	210.4%	180.9%	131.0%	124.3%	109.4%
CIR	32.7%	34.4%	34.5%	34.3%	37.6%

Nguồn: BID, NHSV Research

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.